

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 31/7/2019

V/v Yêu cầu không công nhận là vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải An

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hồ Trung Kiên
2. Bà Vi Thị Kiều Chi

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thúy Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Thuận – C/vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1025/2018/TLST-HNGĐ ngày 17/12/2018 về việc “Yêu cầu không công nhận là vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1025/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17/12/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Ánh V _ Sinh năm: 1969 (Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn O _ Sinh năm: 1967 (Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cùng trú tại: Số nhà xx đường A, thôn z, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn Bà Trương Thị Ánh V trình bày:

Tôi và ông Nguyễn Văn O bắt đầu chung sống với nhau từ khoảng tháng 5 năm 1987 nhưng không tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình

chung sống, chúng tôi thường phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về mọi mặt như kinh tế gia đình, nuôi dạy con cũng như tình cảm. Sự việc kéo dài từ năm 2007. Đến năm 2011, chúng tôi đã sống ly thân nhau cho đến nay. Nhận thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, tình cảm của chúng tôi đã không còn nên không thể tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật được nữa. Do vậy, đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ giữa tôi và ông Nguyễn Văn O là vợ chồng.

Cho đến nay chúng tôi đã có 04 con chung là các cháu Nguyễn Hoài Kim P (Sinh năm: 1988); Nguyễn Hoàng V (Sinh năm: 1990); Nguyễn Hoàng B (Sinh năm: 1992) và Nguyễn Hoàng Việt A (Sinh ngày: 19/3/2003). Các con chung đã thành niên không bị bệnh tật gì liên quan đến thể chất và tâm thần mà phải sống phụ thuộc vào cha mẹ nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Đối với cháu Nguyễn Hoàng Việt A – sinh ngày 19/5/2003 chưa thành niên, tôi xin được trực tiếp nuôi dưỡng và yêu cầu ông O có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mức 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết

Ông Nguyễn Văn O trình bày: Tôi và cô Trương Thị Ánh V chung sống với nhau từ khoảng giữa năm 1987 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thắng Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tại thời điểm bắt đầu chung sống. Tuy nhiên, do quá trình sinh sống chúng tôi đã làm thất lạc giấy đăng ký nên hiện nay không có tài liệu nào cung cấp cho Tòa án.

Trong thời gian chung sống, giữa chúng tôi thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về kinh tế gia đình, nuôi dạy con, tình cảm vợ chồng cũng như lối sống hàng ngày. Chúng tôi đã sống ly thân nhau từ năm 2011 cho đến nay. Vợ chồng đã không còn sự quan tâm, chăm sóc nhau nữa, không ai còn liên quan đến công việc của ai.

Nay cô Vân làm đơn gửi Tòa án yêu cầu không công nhận quan hệ giữa chúng tôi là vợ chồng vì không ai cung cấp được giấy chứng nhận kết hôn thì tôi không có ý kiến gì. Về con chung: chúng tôi đã có 04 con chung là các cháu Nguyễn Hoài Kim P (Sinh năm: 1988); Nguyễn Hoàng V (Sinh năm: 1990); Nguyễn Hoàng B (Sinh năm: 1992) và Nguyễn Hoàng Việt A (Sinh ngày: 19/3/2003). Nếu cô V đề nghị được nuôi dưỡng trực tiếp cháu Nguyễn Hoàng Việt A – sinh ngày 19/5/2003 chưa thành niên và yêu cầu tôi cấp dưỡng nuôi con mức 1.000.000 đồng/tháng thì tôi đồng ý. Nếu cô V không nuôi dưỡng được thì tôi sẽ có trách nhiệm nuôi dưỡng con chung đến tuổi thành niên.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và quan điểm về việc giải quyết vụ án:***

Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Giữa Bà Trương Thị Ánh V và Ông Nguyễn Văn O chung sống với nhau từ tháng 5 năm 1987 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đây là quan hệ hôn nhân không hợp pháp và không được pháp luật bảo vệ theo khoản 1 Điều 9 Luật HN&GD. Quá trình giải quyết vụ án, giữa các đương sự đều thừa nhận có mâu thuẫn và đời sống chung đã không còn được duy trì. Do vậy, đề nghị HĐXX: Áp dụng: khoản 7 và 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b mục 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 / 6 /2000 của Quốc hội; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Trương Thị Ánh V. Tuyên bố quan hệ giữa Bà Trương Thị Ánh V và Ông Nguyễn Văn O không phải là vợ chồng.

Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Hoàng Việt A – sinh năm: 2003 cho bà Trương Thị Ánh V trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Ông Nguyễn Văn O có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mức 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố quan hệ giữa bà và ông Nguyễn Văn O không phải là vợ chồng và giải quyết việc nuôi dưỡng con chung, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 7 và 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào lời trình bày của đương sự và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã đủ cơ sở để xác định: Bà Trương Thị Ánh V và Ông Nguyễn Văn O chung sống với nhau năm 1987. Ông, bà có đủ điều kiện kết hôn song không tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do vậy, việc chung sống giữa Bà Trương Thị Ánh V và Ông Nguyễn Văn O không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Mặt khác, giữa các đương sự cũng đã không còn duy trì đời sống chung và không còn tình cảm để cùng nhau tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xét yêu cầu của bà Trương Thị Ánh V đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận ông bà là vợ chồng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 nên cần chấp nhận.

- Về con chung: Các đương sự có 04 con chung là Nguyễn Hoài Kim P (Sinh năm: 1988); Nguyễn Hoàng V (Sinh năm: 1990); Nguyễn Hoàng B (Sinh năm: 1992) và Nguyễn Hoàng Việt A (Sinh ngày: 19/3/2003). Đối với cháu Nguyễn Hoàng Việt

A chưa thành niên, bà Trương Thị Ánh V xin được trực tiếp nuôi dưỡng và yêu cầu ông Oanh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mức 1.000.000 đồng/tháng. Xét nguyện vọng của cháu Việt A xin được ở với mẹ. Do vậy, cần giao cháu Nguyễn Hoàng Việt A cho bà Trương Thị Ánh V nuôi dưỡng trực tiếp đến tuổi thành niên là phù hợp.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Ông Nguyễn Văn O có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Hoàng Việt A – sinh ngày: 19/3/2003 mức 1.000.000 đồng/ tháng kể từ ngày tuyên án.

- *Về tài sản chung*: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn Bà Trương Thị Ánh V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà ông đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0008638 ngày 10/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp.Buôn Ma Thuột. Ông Nguyễn Văn O phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- *Căn cứ: khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;*

- *Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình.*

- *Áp dụng : điểm b mục 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 / 6 /2000 của Quốc hội.*

- *Áp dụng: khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.*

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Trương Thị Ánh V.

Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa Bà Trương Thị Ánh V và Ông Nguyễn Văn O là vợ chồng.

- *Về con chung*: Các con chung Nguyễn Hoài Kim P (Sinh năm: 1988); Nguyễn Hoàng V (Sinh năm: 1990); Nguyễn Hoàng B (Sinh năm: 1992) và Nguyễn Hoàng Việt A (Sinh ngày: 19/3/2002) đều đã thành niên nên không đặt ra yêu cầu giải quyết. Giao con chung cháu Nguyễn Hoàng Việt A – sinh ngày 19/5/2003 cho bà Trương Thị Ánh V trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: ông Nguyễn Văn O có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mức 1.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng: Kể từ ngày tuyên án cho đến khi cháu Nguyễn Hoàng Việt A đủ tuổi thành niên.

Ông Nguyễn Văn O có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung*: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- *Về án phí*: Nguyên đơn Bà Trương Thị Ánh V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà ông đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0003464 ngày 30/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp.Buôn Ma Thuột. Bị đơn ông Nguyễn Văn O phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Đắk Lắk;
- VKS Tp.BMT, tỉnh Đắk Lắk;
- Thi hành án DS Tp.BMT;
- Các đương sự;
- Lưu HS

Nguyễn Thị Hải An